

CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
THEO THÔNG TƯ 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Biểu mẫu 07

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH QUỚI TÂY

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30	1.37 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	30	1485 m ²
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhò, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	9677.6m ²	9.77 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	4249m ²	5.14 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng	45	2467m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	01	48m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	01	99m ²
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	01	291m ²
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	01	100m ²
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	01	48m ²



6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	01	96m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	01	24m ²
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	01	24m ²
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	01	24m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	27	1 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 1	5	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	5	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	6	1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	6	1 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	5	1 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	-	
2.2	Khối lớp 2	-	
2.3	Khối lớp 3	-	
2.4	Khối lớp 4	-	
2.5	Khối lớp 5	-	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	23.2 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp



1	Ti vi	07	0,26 thiết bị/lớp
2	Cát xét	06	0,22 thiết bị/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	0,07 thiết bị/lớp
4	Bảng tương tác	02	0,07 thiết bị/lớp
5	Màn hình thông minh	07	0,26 thiết bị/lớp
5	Thiết bị khác: Projector	27	01 thiết bị/lớp
6	Đàn Piano điện tử	01	0,04 thiết bị/lớp
7	Đàn Organ	04	0,15 thiết bị/lớp

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	70,56m ²
XI	Nhà ăn	145,53m ²

	Nội dung	số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	08 676,84m ²	768	0,88 m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3 khu vệ sinh 144m ²		6 khu vệ sinh 288m ²		0.35m ²

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
---	-------------------------	--	--	--	--	--

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành ' Điều lệ Trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-B' ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	http://thbinhquoitayl.hcm.edu.vn	
XIX	Tường rào xây	Có	

Bình Thạnh, ngày 06 tháng 9 năm 2024

Phó Hiệu trưởng



Ngô Thành Cường

